

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 143

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Mì trứng nấu thịt gà, hành tây, cải bó xôi, củ sắn, húng quế
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá dứa rim thơm, hành baro
- Canh su hào, củ dền nấu tôm khô, nấm bào ngư
- Đậu đũa luộc
Xế: Bánh Pudding trứng sữa - Uống sữa
Xế chiều: Hủ tiếu bò kho, khoai tây, su su, sả cây, hạt cà ri, ngò gai, cải dúng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,600	3,140	50,240
2	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
3	0523	Nước mắm loại I	1,800	4,400	79,200
4	N0966	Muối Iot	800	740	5,920
5	0004	Gạo tẻ máy	7,400	2,560	189,440
6	0120	Hành lá (hành hoa)	400	8,400	33,600
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
9	N0777	Mì sợi	2,200	7,700	169,400
10	N0779	Cải bó xôi	400	9,870	39,480
11	0027	Củ sắn (khoai mì)	600	2,520	15,120
12	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
13	0158	Rau húng	150	12,920	19,380
14	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,510	9,765
15	N0772	Thịt ức gà	1,500	12,920	193,800
16	0186	Tỏi tây (cà lá)	400	8,610	34,440
17	0226	Khóm (Dứa ta)	2,500	2,940	73,500
18	0377	Cá dứa	7,400	19,430	1,437,820
19	0426	Tôm khô	150	78,100	117,150
20	N0795	Củ dền	1,700	5,460	92,820
21	0054	Đậu đũa (hạt)	1,100	4,620	50,820
22	N0778	Nấm bào ngư	400	13,130	52,520
23	0178	Su hào	2,100	5,460	114,660
24	N0755	Hủ tiếu	1,700	4,290	72,930
25	0716	Cải dún (nhúng)	400	6,300	25,200

26	0037	Khoai tây	500	3,990	19,950
27	N0754	Sả cây	150	2,840	4,260
28	0180	Su su	500	4,100	20,500
29	0286	Thịt bò loại II	900	36,750	330,750
30	N0850	Mỡ heo sống	600	10,300	61,800
31	0457	Sữa bột toàn phần	6,440.3	20,500	1,320,262
32	0646	Bánh pudding	3,240	11,800	382,320
33	0066	Lạc hạt (Đậu phộng hạt)	500	7,040	35,200
34	0002	Gạo nếp (loại thường)	2,000	3,050	61,000
35	0031	Khoai lang	500	4,200	21,000
36	0069	Mè (vùng) đen, trắng	200	24,090	48,180
Tổng cộng					5,291,002

Tổng tiền thực phẩm	5,291,002
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,291,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	81,585,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	81,584,950

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan